VỀ KINH NGHIỆM QUẢN LÝ ĐỒNG VỐN TRONG CƠ CHẾ KHOÁN Ở NÔNG TRƯỜNG QUỐC DOANH SÔNG HẬU

TRỊNH THỊ HOA MAI

Đại học KHXH và Nhân văn - ĐHQG Hà Nội

Nông trường quốc doanh Sông Hậu được thành lập từ tháng 4 năm 1979. Trong suốt 16 năm qua, nông trường đã tồn tại và phát triển theo đúng nghĩa là một doanh nghiệp nhà nước, thích ứng với cơ chế thị trường.

Là một vùng đất trũng bị bỏ hoang nhiều năm, kênh rạch nhiều nhưng chưa được cải tạo, với số vốn đi vay ít ỏi ban đầu là 897.000 đồng (năm 1979), nông trường quốc doanh Sông Hậu đã vươn lên trở thành một điển hình sản xuất tiên tiến.

Khi vào thăm nông trường quốc doanh Sông Hậu, ngày 25-3-1994, Cố vấn BCHTƯ Đảng Nguyễn Văn Linh đã nhận xét "có thể khẳng định rằng nông trường quốc doanh Sông Hậu do đồng chí Trần Ngọc Hoàng làm giám đốc là một mô hình quốc doanh tốt nhất cả nước".

Mỗi bước đi của nông trường quốc doanh Sông Hậu, bài học thành công của nông trường là lời giải cho những vấn đề lý luận về con đường phát triển một nền nông nghiệp hàng hóa ở Việt Nam, con đường đưa nông nghiệp Việt Nam theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin chỉ đề cập một vài khía cạnh của vấn đề quản lý có hiệu quả đồng vốn ở nông trường quốc doanh Sông Hậu, một vấn đề đã được giải quyết thành công ở đây và trở thành một trong những nguyên nhân quyết định bước tiến vững chắc của nông trường những năm qua.

Để tiết kiệm được đồng vốn, để cơ chế khoán sản phẩm có hiệu quả, khâu định mức khoán phải được tiến hành một cách khoa học [1]. Rất nhiều cơ sở sản xuất nông nghiệp gặp vướng mắc ở khâu này. Khi xây dựng mức khoán, nông trường Sông Hậu đã căn cứ vào thực tế để tính ra mức chi phí hợp lý. Ví dụ để xác định mức khoán các nhiên liệu vật tư, nông trường phải thông qua việc sử dụng máy móc trong thực tế, chẳng hạn, để lấy mức bình quân về tiêu tốn nhiên liệu, nông trường đã cho 3 loại máy trục bánh lồng chạy trên 30 ha, hoặc cho ghe vận chuyển chạy 3 lần trên quãng đường dài, trong điều kiện có tải và không tải, lặng gió, ngược gió và xuôi gió.

Để quản lý sản lượng lúa nộp khoán, tránh tình trạng gian lận, lấy cắp lúa, nông trường tổ chức Hội đồng giám định sản lượng, hội đồng này đến kỳ lúa chín sẽ đi đến ruộng lúa của từng hộ nhận khoán để cùng đánh giá sản lượng, qua đó Nông trường nắm chắc số lượng lúa trên đồng ruộng.

Để đưa ra mức giá bán sản phẩm hợp lý, ngoài việc tính toán giá thành, nông trường còn có nhiều mạng lưới gồm các trinh sát kinh tế có nhiệm vụ nắm vững tình hình giá cả trên thị trường, v.v....

Với cách làm như vậy, nông trường thường xuyên đưa ra một định mức khoán thực, hợp lý tạo điều kiện cho cơ chế khoán sản phẩm thực sự là một cơ chế làm cho lợi ích người lao động và lợi ích của nông trường vận động theo cùng một hướng, hạn chế được rất lớn sự thất thoát tiền của và đạo đức con người ở đây.

Trong vấn đề giữ gìn tài sản cố định, việc bảo quản máy móc thiết bị sẽ là một vấn đề đơn giản nếu người sử dụng máy móc đồng thời là người sở hữu chúng, song trong cơ chế khoán, do sự tách biệt giữa người sở hữu (nông trường) và người sử dụng máy móc (nông dân nhận khoán) nên việc bảo quản máy móc có khả năng tách rời việc sử dụng có hiệu quả máy móc. Hơn nữa hai vấn đề này sẽ trở thành mâu thuẫn không thể giải quyết được nếu cơ chế khoán không thích hợp. Ở lĩnh vực này nông trường quốc doanh Sông Hậu lại đưa ra một kinh nghiệm quản lý quý báu.

Trên cơ sở phân tích sự khác biệt giữa khoán sản phẩm những đối tượng mà bản thân nó là sản phẩm (ví dụ khoán cây lúa, khoán con lợn, ...) với khoán sản phẩm những đối tượng mà bản thân nó chỉ là tư liệu sản xuất để tạo ra sản phẩm (khoán con trâu, khoán máy móc, ...) nông trường đã đưa ra một cơ chế tính khấu hao trên đơn vị sản phẩm.

Nông trường giao máy cho người dân nhận khoán, phổ biến phương thức khoán và hai bên ký hợp đồng nhận khoán. Người nông dân sử dụng máy càng làm được nhiều sản phẩm càng có lợi. Chẳng hạn, định mức khoán máy cày là 150 ha/1 máy mỗi vụ, họ càng giữ máy tốt càng cày được nhiều thì càng được hưởng nhiều. Để tính toán giá trị khấu hao mà Nông trường giao khoán cho nông dân, nông trường căn cứ vào đơn vị sản phẩm, ví dụ nếu giao máy cày thì đơn vị sản phẩm là ha, nếu giao máy gặt thì tính theo kg, ... tỷ lệ khấu hao phụ thuộc vào chất lượng máy. Ví dụ nếu máy còn tốt, mới, tỷ lệ khấu hao là 25 - 30%. Sau thời hạn khấu hao, chất lượng còn lại của máy phụ thuộc phần lớn vào ý thức bảo quản của người sử dụng máy, nông trường sẽ đánh giá lại giá trị của máy móc và tiếp tục tính khấu hao, nhưng theo những cách thức khác nhau: có loại máy nông trường định tỷ lệ khấu hao là 15%, có loại máy tính khấu hao theo tỷ lệ hưởng giữa nông trường và người sử dụng máy là 1 : 2 phần giá trị khấu hao hàng năm. Bằng cách đó, lợi ích của người sử dụng máy và lợi ích của Nông trường luôn hài hòa vận động cùng chiều với nhau. Thực tế cho thấy nông dân đã sử dụng máy hết công suất với ý thức bảo quản rất cao. Khi thời vụ nông dân đã làm suốt ngày đêm, năng suất máy cày lên tới 13 - 15 ha một ngày đêm. Nông dân giữ máy nhận khoán như giữ máy của riêng mình, họ lau chùi, kiểm tra thường xuyên, bảo quản nhiên liệu khỏi hao hụt, hết vụ họ đem máy về nhà xe của nông trường, bôi trơn dầu mỡ sạch sẽ, thường xuyên để chuẩn bị tốt cho mùa sau. Rõ ràng một cơ chế khoán hợp lý đã đem lại lợi ích kinh tế cho cả người nông dân sử dụng máy và cho cả nông trường, cho Nhà nước. Ngay từ khi mới thành lập (1979) bằng phương thức đó, Nông trường đã nâng cao thu nhập cho người sử dụng máy. Lương của họ khi đó đạt tới 600 nghìn đồng/người một tháng trong khi lương thợ ở trạm máy kéo quốc doanh tỉnh là 50 nghìn đồng/người một tháng, đồng thời tiết kiệm cho Nông trường 3000 lít dầu. Người nông dân ở đây thường nói "Nông trường cho chúng tôi con ngựa lành, chúng tôi mà làm nó què thì lấy ngựa đâu mà cưỡi".

Chính bằng phương pháp này, qua 15 năm số máy móc của nông trường vẫn hoạt động tốt. Có loại máy nông trường đã tiến hành khấu hao 3 - 4 lần mà vẫn tiếp tục được khấu hao. Những khoản giá trị thu được sau lần khấu hao thứ nhất đã là nguồn bổ sung cho vốn tự có của nông trường.

Để quản lý tốt đồng vốn, vấn đề chi tiêu hợp lý được nông trường đặc biệt chú ý [2]. Cả nông trường hiện nay như đang trong giai đoạn tích lũy ban đầu, mọi việc chi tiêu đồng vốn đều được cân nhắc kỹ lưỡng, không lãng phí, có hiệu quả cao với phương châm "càng giàu càng cần cù, càng giàu càng tiết kiệm". Ở đây chi tiêu cho sản xuất được ưu tiên hơn so với chi tiêu tiêu dùng và chi tiêu tiêu dùng chỉ được đặt ra trong phạm vi sản xuất cho phép. Để tập trung cao nhất mọi đồng vốn cho sản xuất, ở nông trường quốc doanh Sông Hậu mọi chi tiêu có tính hình thức, lãng phí, chưa cần thiết như xây hội trường hai tầng (cần trên 3 tỷ đồng), xây lại một cách quy mô khu ao cá Bác Hồ ... đều chưa được đặt ra trong giai đoạn hiện nay, mặc dù đó cũng là kế hoạch sẽ được thực hiện trong vài năm tới của Nông trường.

Có lẽ cũng phải nói thêm một điều rằng ở nông trường quốc doanh Sông Hậu vấn đề tiết kiệm sử dụng đồng vốn đã đạt kết quả cao vì cho đến nay ở đây vẫn chưa từng có hiện tượng tham ô, tham nhũng từ phía những người có chức có quyền, một hiện tượng vẫn thường thấy đối với những cơ sở sản xuất kinh doanh giàu có. Hơn ở đâu hết, đạo đức "cần kiệm liêm chính, chí công vô tư" được các cán bộ nông trường Sông Hậu đề cao và thực hiện triệt để bởi họ nhận thức rất rõ rằng thiếu điều đó sự giàu có của nông trường Sông Hậu sẽ tiêu tan nhanh chóng. Có thể nói không có một đội ngũ cán bộ có tài có đức, nông trường quốc doanh Sông Hậu không thể ra đời và tồn tại vững chắc trong suốt 16 năm qua.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Borje Ljunggren - Những cách thức trên con đường cải cách ở Đông Dương. Viện phát triển quốc tế Harvard. Trường đại học Harvard. NXB Chính trị Quốc gia, 1994.
2. Mấy Vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. Trung tâm Thông tin - Tư liệu. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội 7/1994.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC. SCI., t.XI, n°3, 1995

THE EXPERIENCES OF THE CAPITAL MANAGEMENT IN THE HIRABLE MECHANISM BY THE PIECE OF SONG HAU STATE - MANAGED FARM

TRINH THI HOA MAI

College of Social Sciences and Humanities - VNU

The Song Hau state - managed farm has been established since April of 1979. Over the past 16 years the farm has been developing efficiently in the condition market mechanism. Therefore, it can be said that this farm is one of the best state - managed farms in Vietnam at present time. One of the reasons for the success of Song Hau state - managed farm is setting up the hirable mechanism suitably by the piece in capital. The contents of this mechanism are determining the amount of output and the rules of depreciation that on the basic of the sensible production cost per each product unit. Nowadays, the experiences of capital management of Song Hau state - managed farm are as good lessons for many production units in Vietnam.